

Số: 637/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 01 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính có đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc lĩnh vực Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1405/QĐ-BGTVT ngày 03/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Văn bản số 3003/BGTVT-TTCNTT ngày 21/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố danh sách thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ GTVT đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số /TTr-SGTVT ngày /3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính có đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc lĩnh vực Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (Chi tiết tại Danh mục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Giao thông vận tải:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, xây dựng quy trình điện tử đối với việc giải quyết thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác Danh mục thủ tục hành chính, bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này trên Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác thủ tục hành chính có đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình vào Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thành, thị; UBND các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Quang

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
TOÀN TRÌNH LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 637/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH (25 TTHC)

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp thực hiện
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ		
1	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	Cấp Tỉnh
2	1.010710	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia	Cấp Tỉnh
3	1.010709	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Cấp Tỉnh
4	1.010708	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Cấp Tỉnh
5	2.002289	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	Cấp Tỉnh
6	2.002287	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	Cấp Tỉnh
7	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng	Cấp Tỉnh

8	2.002288	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	Cấp Tỉnh
9	2.002285	Đăng ký khai thác tuyến	Cấp Tỉnh
10	1.005024	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô	Cấp Tỉnh
11	1.005021	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô	Cấp Tỉnh
12	1.004995	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	Cấp Tỉnh
13	1.002793	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Cấp Tỉnh
14	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	Cấp Tỉnh
15	1.002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	Cấp Tỉnh
16	2.000847	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	Cấp Tỉnh
17	1.001919	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	Cấp Tỉnh
18	1.001826	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	Cấp Tỉnh
19	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	Cấp Tỉnh
20	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	Cấp Tỉnh

21	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	Cấp Tỉnh
22	2.000769	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác
II LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA			
23	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Cấp Tỉnh
24	2.001217	Thủ tục đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Cấp Tỉnh
III LĨNH VỰC HÀNG HẢI			
25	2.001802	Chấp thuận vị trí đỗ chất nạo vét trên bờ đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa	Cấp Tỉnh

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN (05 TTHC)

I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA		
1	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Cấp Huyện
2	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Cấp Huyện
3	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Cấp Huyện
4	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Cấp Huyện
5	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Cấp Huyện

